

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: Không yêu cầu

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V.

STT	Nội dung đánh giá <sup>(1)</sup>	Kết quả đánh giá <sup>(2)</sup>	
		Đạt	Không đạt
<b>1</b>	<b>Đặc tính, thông số kỹ thuật, số lượng của hàng hóa</b>		
	- Nhà thầu bảo đảm Hàng hóa mới 100%, có nhãn mác, xuất xứ rõ ràng; - Hàng hóa do nhà thầu cung cấp có tiêu chuẩn kỹ thuật, thông số kỹ thuật, số lượng, chất lượng hoàn toàn phù hợp hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu chương V của HSMT	x	
	-Hàng hóa không đảm bảo mới 100%; không có đầy đủ nhãn mác, xuất xứ hoặc hàng hóa do nhà thầu cung cấp không có tiêu chuẩn kỹ thuật, thông số kỹ thuật, số lượng, chất lượng phù hợp hoặc đáp ứng thấp hơn yêu cầu của chương V HSMT		x
<b>2</b>	<b>Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa.</b>		
	- Nêu căn cứ lập biện pháp tổ chức; - Am hiểu chung về gói thầu; - Có sơ đồ, thuyết minh sơ đồ tổ chức thực hiện; - Thuyết minh mối quan hệ của bộ phận quản lý và các cá nhân, tổ chức liên quan đến gói thầu; - Thuyết minh trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết được giao phó cho quản lý hiện trường; - Thuyết minh Lập kế hoạch cung cấp, lắp đặt; Thống nhất kế hoạch triển khai với bên mời thầu; phương tiện cung ứng và bàn giao hàng hóa; -Thuyết minh biện pháp sản xuất (đối với hàng hoá sản xuất); - Thuyết minh quy trình đóng gói, bốc xếp, lưu kho, bàn giao, lắp đặt, kiểm tra, thử nghiệm/chạy thử	x	

STT	Nội dung đánh giá <sup>(1)</sup>	Kết quả đánh giá <sup>(2)</sup>	
		Đạt	Không đạt
	- Biện pháp bảo đảm chất lượng hàng hoá		
	Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày không đầy đủ, chi tiết các giải pháp hoặc sơ sai.		X
<b>3</b>	<b>Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì</b>		
	- Nhà thầu phải trình bày đầy đủ, chi tiết được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì; năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế. - Có cam kết về thời gian bảo hành đối với hàng hóa cung cấp $\geq 12$ tháng, bảo trì $\geq 24$ tháng kể từ thời gian hết bảo hành.	X	
	Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày không đầy đủ, chi tiết được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì, năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng, cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế; hoặc không có cam kết về thời gian bảo hành đối với hàng hóa cung cấp; hoặc có cam kết nhưng thời gian bảo hành $< 12$ tháng, bảo trì $< 24$ tháng.		X
<b>4</b>	<b>Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường</b>		
	Hàng hóa cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường của Việt Nam. Nhà thầu có cam kết kèm theo.	X	
	Nhà thầu không có cam kết kèm theo; hoặc Hàng hóa cung cấp không thích ứng về địa lý, môi trường Việt Nam;		X
<b>5</b>	<b>Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết</b>		
	Hàng hóa không có ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường (Có cam kết kèm theo).	X	
	Nhà thầu không có cam kết kèm theo; hoặc Hàng hóa cung cấp có ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường.		X
<b>6</b>	<b>Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>		
6.1	Thời gian cung cấp hàng hóa (bao gồm thời gian giao hàng và thời gian nghiệm thu, quyết toán hoàn thành) $\leq 30$ ngày		
	Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của chương V thuộc E-HSMT; có thuyết minh biện pháp đảm bảo tiến độ.	X	
	Không có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp		X

STT	Nội dung đánh giá <sup>(1)</sup>	Kết quả đánh giá <sup>(2)</sup>	
		Đạt	Không đạt
	ứng yêu cầu chương V thuộc E-HSMT; không có thuyết minh biện pháp đảm bảo tiến độ.		
6.2	Tính phù hợp tiến độ cung cấp a) Giữa huy động thiết bị sản xuất, vận chuyển, hàng hoá và tiến độ cung cấp (kèm theo biểu đồ) b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ cung cấp; kèm theo biểu đồ		
	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	x	
	Đề xuất không đầy đủ hoặc không hợp lý hoặc không khả thi cho cả 2 nội dung a) và b)		x
7	<b>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng) và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó.</b>		
	Nhà thầu không có gói thầu không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng và có cam kết về nội dung trên.	x	
	Nhà thầu có gói thầu không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không có cam kết về nội dung trên		x
8	<b>Có thuyết minh về biện pháp đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và an ninh trong quá trình thực hiện.</b>		
	Có đầy đủ, phù hợp và khả thi	x	
	Không có hoặc có nhưng chưa phù hợp		x
<b>Kết luận<sup>(3)</sup></b>		<b>Đạt</b>	

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

##### **Phương pháp giá đánh giá<sup>1</sup>:**

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1.

- Xác định giá dự thầu sau giảm giá (nếu có).

Bước 2. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{\text{ĐG}} = G \pm \Delta_G + \Delta_{\text{UD}}$$

Trong đó:

- G là giá dự thầu xác định tại Bước 1 khoản này;

-  $\Delta_{\text{UD}}$  là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 28 E-CDNT.

-  $\Delta_G$  là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa. Theo đó, khi xây dựng tiêu chuẩn giá đánh giá, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia lượng hóa yếu tố khác ngoài giá dự thầu, bao gồm:

a) Thời gian giao hàng:

*Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.*

*Chủ đầu tư, tổ chuyên gia lượng hóa thành tiền ưu thế của 01 ngày hàng hóa đưa vào sử dụng sớm (trong khoảng thời gian theo tiến độ giao hàng) sẽ tiết kiệm được  $A=11.300.000(VND)$  sử dụng yếu tố này để đưa vào công thức xác định giá đánh giá. Trường hợp nhà thầu giao hàng muộn hơn so với ngày giao hàng sớm nhất là X ngày (nhưng vẫn trong khoảng thời gian theo tiến độ giao hàng) sẽ bị cộng thêm một khoản tiền là:  $11.300.000(VND) \times X$  vào giá dự thầu của nhà thầu này để so sánh, xếp hạng nhà thầu.*

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

#### **Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không**

#### **Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: Không**

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.1 Mục 4 Chương này.